

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 38

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 7 tháng 7 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2020
	Thành viên	từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 4 tháng 2 năm 2020
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020
Ông Hiroaki Yashiro	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc	
	Thường trực	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tuấn	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2021

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Xuân Cường, Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Đỗ Huy Cường, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Giấy Ủy quyền số 051401/2020/UQ-APH ngày 14 tháng 5 năm 2020.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61515942/21222048

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phùng Mạnh Phú  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1



Nguyễn Thu Hằng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>120.928.995.778</b>	<b>166.400.256.595</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>93.876.841.515</b>	<b>119.526.588</b>
111	1. Tiền		276.841.515	119.526.588
112	2. Các khoản tương đương tiền		93.600.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>25.270.794.838</b>	<b>162.193.365.110</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.052.671.600	25.008.500.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		137.235.000	973.634.680
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	18.050.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	16.080.888.238	118.161.230.430
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>652.466.691</b>	<b>293.114.400</b>
141	1. Hàng tồn kho		652.466.691	293.114.400
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.128.892.734</b>	<b>3.794.250.497</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.128.892.734	3.409.753.887
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	384.496.610
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.721.552.201.826</b>	<b>2.379.049.262.372</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>16.801.854.630</b>	<b>17.403.341.778</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	16.801.854.630	17.403.341.778
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.559.890.949</b>	<b>2.065.193.241</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		2.398.442.920	2.027.998.788
222	Nguyên giá		3.360.028.638	2.564.420.638
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(961.585.718)	(536.421.850)
227	2. Tài sản cố định vô hình		161.448.029	37.194.453
228	Nguyên giá		216.838.200	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(55.390.171)	(22.805.547)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>863.214.066</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		863.214.066	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>2.699.800.610.704</b>	<b>2.331.223.511.930</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.642.143.703.149	2.251.840.704.375
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		56.156.907.555	71.156.907.555
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	8.225.900.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.526.631.477</b>	<b>28.357.215.423</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.526.631.477	2.717.385.423
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	25.639.830.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.842.481.197.604</b>	<b>2.545.449.518.967</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>670.854.600.890</b>	<b>625.942.291.054</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>119.481.639.092</b>	<b>124.509.176.296</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	1.985.983.243	23.802.856.500
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	500.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	3.295.835.199	163.017.480
314	4. Phải trả người lao động		1.842.717.530	2.244.576.191
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	26.408.623.850	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	10.129.548.420	16.495.498.101
320	7. Vay ngắn hạn	13	75.818.930.850	81.303.228.024
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>551.372.961.798</b>	<b>501.433.114.758</b>
338	1. Vay dài hạn	13	551.372.961.798	501.433.114.758
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.171.626.596.714</b>	<b>1.919.507.227.913</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>2.171.626.596.714</b>	<b>1.919.507.227.913</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.466.773.390.000	1.423.773.390.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.393.624.590.000	1.282.624.590.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		73.148.800.000	141.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		657.285.989.100	485.506.089.100
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.567.217.614	10.227.748.813
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế) đến cuối năm trước		10.227.748.813	(17.074.502.212)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		37.339.468.801	27.302.251.025
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.842.481.197.604</b>	<b>2.545.449.518.967</b>

  
Nguyễn Thị Lan  
Người lập

  
Hồ Thị Hòa  
Kế toán trưởng

  
Phạm Đức Hùng Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	24.223.088.045	25.232.890.912
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	24.223.088.045	25.232.890.912
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16	(11.947.469.723)	(12.217.885.089)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.275.618.322	13.015.005.823
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	133.210.871.064	120.938.804.094
22	6. Chi phí tài chính	17	(47.777.208.443)	(45.355.423.318)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		(46.802.081.579)	(45.142.993.318)
25	7. Chi phí bán hàng		(50.000.089)	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(49.646.995.960)	(50.439.213.166)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.012.284.894	38.159.173.433
31	10. Thu nhập khác		42.400.455	708.462.432
32	11. Chi phí khác		-	(669.242.154)
40	12. Lợi nhuận khác		42.400.455	39.220.278
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		48.054.685.349	38.198.393.711
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		48.054.685.349	38.198.393.711

Nguyễn Thị Lan  
Người lập

Hồ Thị Hòe  
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>48.054.685.349</b>	<b>38.198.393.711</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		457.748.492	327.281.886
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(133.175.404.789)	(120.938.804.094)
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	17	47.668.748.243	45.142.993.318
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(36.994.222.705)</b>	<b>(37.270.135.179)</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		9.231.348.460	(16.959.295.974)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(359.352.291)	724.566.427
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		3.461.741.630	(599.277.624)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.471.615.099	(2.690.862.546)
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.629.871.361)	(37.614.877.171)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(42.818.741.168)</b>	<b>(94.409.882.067)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.880.268.593)	(166.404.547)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(67.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.050.000.000	120.630.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(417.049.781.199)	(675.183.600.473)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		214.082.059.696	115.700.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		78.951.204.915	56.575.851.748
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(110.846.785.181)</b>	<b>(449.444.153.272)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		214.779.900.000	140.232.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		526.038.266.800	985.010.476.541
34	Tiền trả nợ gốc vay		(482.449.228.647)	(577.248.299.511)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(10.946.096.877)	(10.896.142.686)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>247.422.841.276</b>	<b>537.098.034.344</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>93.757.314.927</b>	<b>(6.756.000.995)</b>
60	Tiền đầu năm		<b>119.526.588</b>	<b>6.875.527.583</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<b>4</b>	<b>93.876.841.515</b>	<b>119.526.588</b>

Nguyễn Thị Lan  
Người lập

Hồ Thị Hòe  
Kế toán trưởng



Phạm Đức Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 16 tháng 3 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 7 tháng 7 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 101 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 108 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 13 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty Nhựa An Phát Xanh")	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	53,18	53,18	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa.
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty An Tiến") (*)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	35,02	64,77	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.
3	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hóa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	53,18	100	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hóa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	47,50	89,33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
5	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd ("Công ty An Thành Singapore") (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	35,02	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol ("Công ty An Thành") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	40,26	99,37	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (**)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	24,51	70	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (*)(**)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	31,27	57,73	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
9	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	62,91	72,39	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
10	Công ty Cổ phần An Trung Industries ("Công ty An Trung") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	62,91	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
11	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (*)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	62,91	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
12	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	62,91	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
13	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (*)(***)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	63,25	99,93	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.

(\*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp thông qua một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

(\*\*) Vào tháng 7 năm 2020, Công ty Nhựa An Phát Xanh, công ty con, đã hoàn tất việc mua 56,51% cổ phần của Công ty An Vinh, theo đó, nâng tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty này lên 57,73% và Công ty An Vinh trở thành công ty con của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)***

(\*\*\*) Vào tháng 12 năm 2020, Công ty Nhựa Hà Nội, công ty con, đã hoàn tất việc mua 98,90% cổ phần của Công ty An Cường, theo đó, nâng tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty này lên 99,93% và Công ty An Cường trở thành công ty con của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 8.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.13 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

##### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định Công ty chỉ có một (1) bộ phận chính cần báo cáo là hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động bán hàng diễn ra không thường xuyên trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, do đó lựa chọn không trình bày thuyết minh thông tin theo bộ phận.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	33.819.498	34.811.830
Tiền gửi ngân hàng	243.022.017	84.714.758
Các khoản tương đương tiền	93.600.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.876.841.515</b>	<b>119.526.588</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn 3 tháng và hưởng mức lãi suất 3,3%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Gulf Polymers Distribution	9.052.671.600	-
Phải thu ngắn hạn từ các đối tượng khác	-	21.268.500.000
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	-	3.740.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.052.671.600</b>	<b>25.008.500.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	10.829.025.327	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.823.824.111	-	4.146.734.958	-
Lãi cho vay và lãi đặt cọc phải thu	93.927.945	-	10.492.752.523	-
Phải thu từ đặt cọc mua cổ phần (ii)	-	-	103.310.559.696	-
Phải thu khác	334.110.855	-	211.183.253	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.080.888.238</b>	<b>-</b>	<b>118.161.230.430</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	9.738.896.181	-	115.572.556.727	-
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	6.341.992.057	-	2.588.673.703	-

(i) Chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc cho các đối tác doanh nghiệp nhằm mục đích thuê đất và mua bán quyền công nghệ sản xuất cho Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất chất dẻo phân hủy sinh học hoàn toàn ("Dự án PBAT").

(ii) Số dư đầu năm bao gồm các khoản đặt cọc cho một số cá nhân theo các thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội. Trong năm, Công ty đã thu hồi các khoản đặt cọc này sau khi thanh lý hợp đồng.

**7. PHẢI THU KHÁC DÀI HẠN**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	15.935.714.272	-	16.428.571.420	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	866.140.358	-	974.770.358	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.801.854.630</b>	<b>-</b>	<b>17.403.341.778</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yên để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành. Trong năm 2020, các bên đã thỏa thuận giảm tiền phí khai thác tàu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Tỷ lệ năm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ năm giữ trực tiếp		
				Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>2.642.143.703.149</b>		<b>2.251.840.704.375</b>		
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (ii) (iii) (vii)	53,18%	2.101.378.566.479	- 1.698.061.118.400	48,08%	1.678.241.729.280	- 1.045.281.501.000
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii) (iii) (viii)	52,15%	526.605.405.236	- 1.079.391.245.600	55,17%	506.263.390.236	- 855.000.000.000
- Công ty An Thành (iv)	-	-	-	26,04%	41.500.000.000	- (i)
- Công ty An Tín (v)	-	-	-	19%	18.401.753.425	- (i)
- Công ty An Tiến (ii) (iii)	1,23%	7.433.831.434	- 6.835.816.200	1,23%	7.433.831.434	- 3.279.552.000
- Công ty An Vĩnh (ii) (Thuyết minh số 1)	1,22%	5.225.900.000	- 5.225.900.000	-	-	-
- Công ty An Cường (ii) (Thuyết minh số 1)	1,03%	1.500.000.000	- 600.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>56.156.907.555</b>		<b>71.156.907.555</b>		
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh (ii)	24,54%	56.156.907.555	- 41.404.927.500	24,54%	56.156.907.555	- 29.443.504.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt ("Công ty Navisoft") (vi)	-	-	-	50%	15.000.000.000	- (i)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>1.500.000.000</b>				
- Công ty An Vĩnh	-	-	-	1,31%	5.225.900.000	- (i)
- Công ty An Cường	-	-	-	1,03%	1.500.000.000	- (i)
- Công ty An Phát Finance	15%	1.500.000.000	- (i)	15%	1.500.000.000	- (i)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.699.800.610.704</b>		<b>2.331.223.511.930</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.
- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh, Công ty Nhựa Hà Nội, Công ty An Tiến và Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó không trích lập dự phòng.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty An Vinh và Công ty An Cường được tính toán dựa trên báo cáo định giá cổ phần của các công ty này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- (iii) Một số cổ phiếu của các công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 21. Ngoài ra, 40.650 cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội (mã cổ phiếu "NHH") hiện đang được phong tỏa chờ giao dịch.
- (iv) Vào ngày 19 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 4.150.000 cổ phần, tương đương với 26,04% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty An Thành cho Công ty Nhựa An Phát Xanh với giá phí chuyển nhượng là 58,1 tỷ VND. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này là 16,6 tỷ VND được trình bày tại chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh số 15.2).
- (v) Vào ngày 2 tháng 4 năm 2020, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 1.900.000 cổ phần, tương đương với 19% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty An Tín cho Công ty An Tiến với giá phí chuyển nhượng là 21,85 tỷ VND. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này là 3,45 tỷ VND được trình bày tại chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh số 15.2).
- (vi) Vào ngày 25 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 1.500.000 cổ phần, tương đương với 50% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Navisoft cho một đối tác doanh nghiệp với giá phí chuyển nhượng là 30 tỷ VND. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này là 15 tỷ VND được trình bày ở chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh số 15.2).
- (vii) Vào ngày 16 tháng 7 năm 2020, Công ty Nhựa An Phát Xanh đã phát hành 40 triệu cổ phần để thực hiện chứng quyền, trong đó, Công ty đã mua thêm 30 triệu cổ phần, tương ứng với quyền mua từ 3.000 chứng quyền. Sau giao dịch này, Công ty nắm giữ 112.305.630 cổ phần, tương đương với 53,18% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty Nhựa An Phát Xanh.

Vào tháng 10 năm 2020, Công ty Nhựa An Phát Xanh đã chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:5, theo đó, sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh này là không đổi, tương ứng với 117.920.910 cổ phiếu.

- (viii) Vào ngày 20 tháng 11 năm 2020, Công ty đã chuyển nhượng 1.100.000 cổ phiếu, tương ứng 5,79% cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội cho Công ty Nhựa An Phát Xanh. Vào tháng 12 năm 2020, Công ty Nhựa Hà Nội đã hoàn tất giao dịch phát hành thêm 2.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, trong đó, Công ty đã mua thêm 1.103.367 cổ phần. Sau các giao dịch này, Công ty nắm giữ 19.003.367 cổ phần, tương đương với 52,15% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty Nhựa Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.950.546.357	(725.221.000)	3.225.325.357
Thuế thu nhập cá nhân	146.110.765	870.174.554	(945.775.477)	70.509.842
Thuế, phí khác	16.906.715	136.514.743	(153.421.458)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>163.017.480</b>	<b>4.957.235.654</b>	<b>(1.824.417.935)</b>	<b>3.295.835.199</b>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	303.173.777	23.421.979.834
<i>Một đối tác doanh nghiệp</i>	-	22.947.838.500
<i>Khác</i>	303.173.777	474.141.334
Phải trả bên liên quan ngắn hạn <i>(Thuyết minh số 21)</i>	1.682.809.466	380.876.666
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.985.983.243</b>	<b>23.802.856.500</b>

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi vay phải trả	26.408.623.850	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.408.623.850</b>	-

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi vay phải trả	8.513.562.405	9.749.976.037
Cổ tức phải trả	1.277.284.932	1.508.165.260
Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư	-	5.209.978.000
Phải trả ngắn hạn khác	338.701.083	27.378.804
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.129.548.420</b>	<b>16.495.498.101</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	9.614.650.077	7.531.080.146
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	514.898.343	8.964.417.955



## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. VAY

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 13.1)	48.283.872.952	48.283.872.952	39.432.449.653	(34.533.910.129)	53.182.412.476	53.182.412.476		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.2)	26.019.355.072	26.019.355.072	44.495.817.147	(53.178.653.845)	17.336.518.374	17.336.518.374		
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	7.000.000.000	7.000.000.000	60.155.000.000	(61.855.000.000)	5.300.000.000	5.300.000.000		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.303.228.024</b>	<b>81.303.228.024</b>	<b>144.083.266.800</b>	<b>(149.567.563.974)</b>	<b>75.818.930.850</b>	<b>75.818.930.850</b>		
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.3)	833.114.758	833.114.758	-	(231.819.624)	601.295.134	601.295.134		
Vay đối tượng khác	280.600.000.000	280.600.000.000	6.700.000.000	(287.300.000.000)	-	-		
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	30.000.000.000	30.000.000.000	282.885.000.000	(207.780.000.000)	105.105.000.000	105.105.000.000		
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 13.4)	190.000.000.000	190.000.000.000	255.666.666.664	-	445.666.666.664	445.666.666.664		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>501.433.114.758</b>	<b>501.433.114.758</b>	<b>545.251.666.664</b>	<b>(495.311.819.624)</b>	<b>551.372.961.798</b>	<b>551.372.961.798</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. VAY (tiếp theo)**

**13.1 Vay đối tượng khác ngắn hạn**

Số dư cuối năm bao gồm:

- ▶ Các khoản vay margin từ các công ty chứng khoán theo các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán đáo hạn từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2021, với lãi suất từ 9,5% đến 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là danh mục một số cổ phiếu của một số công ty con, bao gồm 6.187.914 cổ phiếu AAA và 700.000 cổ phiếu NHH.
- ▶ Khoản vay có giá trị 4.000.000.000 VND từ Công ty Navisoft không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn vào tháng 3 năm 2021 với lãi suất 8,5%/năm.

**13.2 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2021 với lãi suất từ 7% đến 8%/năm. Trong đó, bao gồm một khoản vay với số dư là 2,3 tỷ VND có tài sản đảm bảo là 300.000 cổ phiếu NHH thuộc sở hữu của Công ty, khoản vay còn lại với số dư là 15 tỷ VND có tài sản đảm bảo là 2.300.000 cổ phiếu Công ty An Tiên (mã cổ phiếu "HII") thuộc sở hữu của Công ty.

**13.3 Vay ngân hàng dài hạn**

Số dư cuối năm bao gồm một khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn lần cuối vào tháng 6 năm 2023, với lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 3 xe ô tô có giá trị còn lại là 1,2 tỷ VND.

**13.4 Trái phiếu phát hành**

Số dư cuối năm gồm:

- (i) 1.900 trái phiếu phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND không có tài sản đảm bảo cho một đối tác doanh nghiệp theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu đáo hạn vào tháng 6 năm 2022, với lãi suất 8%/năm; và
- (ii) Trái phiếu hoán đổi có giá trị 260 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Trái phiếu này có lãi suất cố định 8%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là 16.991.701 cổ phiếu AAA và 4.457.143 cổ phiếu NHH.

Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền, vào bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng 7 năm 2021 đến ngày đáo hạn của trái phiếu, hoán đổi tất cả hoặc bất kỳ trái phiếu theo cách thức được quy định trong hợp đồng thành cổ phần phổ thông của AAA hoặc của NHH, với điều kiện là khi hoán đổi tất cả các trái phiếu thành cổ phần hoán đổi, tỷ lệ hoán đổi tối đa của cổ phần phổ thông của AAA hoặc NHH không được vượt quá 75% tiền gốc của trái phiếu.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu trên do cổ phiếu có thể được hoán đổi là cổ phiếu của công ty con và trái chủ có quyền yêu cầu thanh toán khoản gốc trái phiếu bằng tiền, do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả thuộc khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn trên bảng cân đối kế toán.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### 14.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	1.282.943.480.000	274.415.220.000	(17.074.502.212)	1.540.284.197.788
- Tăng vốn trong năm	140.829.910.000	211.090.869.100	-	351.920.779.100
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	38.198.393.711	38.198.393.711
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(10.896.142.686)	(10.896.142.686)
Số cuối năm	1.423.773.390.000	485.506.089.100	10.227.748.813	1.919.507.227.913
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	1.423.773.390.000	485.506.089.100	10.227.748.813	1.919.507.227.913
- Tăng vốn trong năm (i)	43.000.000.000	171.779.900.000	-	214.779.900.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	48.054.685.349	48.054.685.349
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(10.715.216.548)	(10.715.216.548)
Số cuối năm	1.466.773.390.000	657.285.989.100	47.567.217.614	2.171.626.596.714

(i) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2020, Công ty đã thực hiện đầu giá cổ phần thành công 4.300.000 cổ phần với tổng giá trị phát hành thu được là 214,8 tỷ VND. Trong tháng 7 năm 2020, Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 060701/2020/NQ-HĐQT thông qua kết quả phát hành cổ phần ra công chúng. Qua đó, làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 43 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần thêm 171,8 tỷ VND, vốn chủ sở hữu sau khi phát hành của Công ty là 1.466,8 tỷ VND.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 14.2 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức phải trả cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi	10.715.216.548	10.896.142.686

#### 14.3 Cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phần đang kỳ phát hành				
Cổ phần phổ thông	139.362.459	1.393.624.590.000	128.262.459	1.282.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000
Cổ phần đã bán ra công chúng				
Cổ phần phổ thông	139.362.459	1.393.624.590.000	128.262.459	1.282.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000
Cổ phần đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	139.362.459	1.393.624.590.000	128.262.459	1.282.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phần).

(\*) Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty TNHH Chứng khoán KB ("KB") đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi có tức với tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phần ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi có tức này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi có tức có quyền hoàn đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết số 171201/2020/NQ – HĐQT, thông qua kết quả phát hành 6.800.000 cổ phiếu phổ thông để chuyển đổi cổ phần ưu đãi có giá chuyển đổi là 25.000 VND/cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ chuyển đổi là 1 cổ phiếu phổ thông/1 cổ phiếu ưu đãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. DOANH THU**

**15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>24.223.088.045</b>	<b>25.232.890.912</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	8.594.682.045	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	15.628.406.000	25.232.890.912
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>24.223.088.045</b>	<b>25.232.890.912</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	22.567.498.045	21.832.890.912
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	1.655.590.000	3.400.000.000

**15.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	64.906.789.075	54.425.900.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	62.372.188.899	48.871.424.285
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.896.426.815	15.663.740.957
Doanh thu hoạt động tài chính khác	35.466.275	1.977.738.852
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>133.210.871.064</b>	<b>120.938.804.094</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán	7.729.186.790	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.218.282.933	12.217.885.089
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.947.469.723</b>	<b>12.217.885.089</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	47.668.748.243	45.142.993.318
Chi phí tài chính khác	108.460.200	212.430.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.777.208.443</u></b>	<b><u>45.355.423.318</u></b>

**18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	19.940.797.472	24.358.814.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.403.708.076	12.082.257.167
Chi phí khấu hao và hao mòn	457.748.492	327.281.886
Chi phí bằng tiền khác	16.844.741.920	13.670.859.187
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.646.995.960</u></b>	<b><u>50.439.213.166</u></b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	24.159.080.405	36.576.700.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.403.708.076	12.082.257.167
Chi phí khấu hao và hao mòn	457.748.492	327.281.886
Chi phí bằng tiền khác	16.894.742.009	13.670.859.187
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.915.278.982</u></b>	<b><u>62.657.098.255</u></b>

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**20.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>48.054.685.349</b>	<b>38.198.393.711</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	9.610.937.070	7.639.678.742
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	231.070.694	220.480.684
Chi phí lãi vay không được trừ thuế	2.806.108.097	1.817.908.011
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(12.456.606.970)	(10.169.832.627)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến khoản lỗ thuế	-	491.765.190
Chuyển lỗ năm trước	(191.508.891)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**20.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**20.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận**

**Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
				<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2020</i>
2017	2022	758.181.935	(758.181.935)	-	-
2018	2023	23.779.195.606	(199.362.519)	-	23.579.833.087
2019	2024	2.458.825.950	-	-	2.458.825.950
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>26.996.203.491</b>	<b>(957.544.454)</b>	<b>-</b>	<b>26.038.659.037</b>

(\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Đi vay	-	7.000.000.000
		Trả gốc vay	-	38.050.000.000
		Cổ tức	56.152.825.000	39.908.570.000
		Chuyển nhượng cổ phần	108.678.000.000	-
Công ty An Thành	Công ty con	Chi phí lãi vay	6.557.664.997	4.737.538.572
		Nhận chuyển nhượng vốn	-	80.000.000.000
		Thanh toán chuyển nhượng vốn	-	80.000.000.000
		Đi vay	124.255.000.000	239.700.000.000
		Trả gốc vay	122.900.000.000	254.118.000.000
		Cổ tức	-	3.120.000.000
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	-	3.000.000.000
		Nhận gốc vay	-	12.000.000.000
		Đi vay	60.580.000.000	40.000.000.000
		Trả gốc vay	60.580.000.000	40.000.000.000
		Chi phí lãi vay	904.949.591	1.751.013.698
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Đi vay	84.150.000.000	-
		Trả gốc vay	8.100.000.000	-
		Chi phí lãi vay	5.994.887.818	-
Công ty An Tín	Công ty con	Doanh thu tư vấn	1.488.000.000	-
		Cổ tức	-	3.325.000.000
Công ty An Tiến Industries	Công ty con	Chuyển nhượng vốn	21.850.000.000	-
		Thu tiền chuyển nhượng vốn	21.850.000.000	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Nhận đặt cọc bán khoản đầu tư	-	104.000.000.000
		Đi vay	-	16.300.000.000
		Trả gốc vay	-	51.300.000.000
		Chi phí lãi vay	-	6.441.191.781
		Lãi vay đã trả	-	1.912.739.726
		Cổ tức	19.000.000.000	8.400.000.000
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đặt cọc	3.260.958.327	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trong yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Navisoft	Công ty liên kết (đến tháng 6 năm 2020)	Đi vay	-	6.000.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	3.608.791.541	5.318.898.972
		Hoàn ứng	4.681.599.866	4.804.130.763
		Trả gốc vay	-	1.135.322.000
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.520.200.000	24.455.141.000
		Hoàn ứng	2.920.031.648	24.730.891.814
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	7.917.363.644	-
		Hoàn ứng	4.917.363.644	-
Bà Nguyễn Thị Tiễn	Lãnh đạo chủ chốt	Chuyển khoản vay thành vốn góp	-	211.688.779.100
		Nhận góp vốn	-	60.386.000.000
		Đi vay	-	1.294.030.689
		Tạm ứng	5.427.484.652	-
		Hoàn ứng	5.462.484.652	-
Ông Nguyễn Văn Bình	Cổ đông	Nhận góp vốn	-	40.000.000.000
Bà Đỗ Kim Anh	Cổ đông	Nhận góp vốn	-	40.000.000.000
Công ty VMC	Công ty con	Doanh thu tư vấn	-	3.400.000.000
Công ty Nhựa bao bì Vĩnh	Công ty liên kết	Cổ tức	3.312.394.200	2.208.262.800

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay, đặt cọc và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i></b>				
Công ty VMC	Công ty con		-	3.740.000.000
			-	<b>3.740.000.000</b>
<b><i>Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i></b>				
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đặt cọc	3.260.958.327	-
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	3.000.000.000	-
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	81.033.730	1.153.842.055
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	-	1.399.831.648
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Các bên liên quan khác	Tạm ứng	-	35.000.000
			<b>6.341.992.057</b>	<b>2.588.673.703</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)</i></b>				
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	1.414.225.988	357.000.000
Công ty An Thành	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	111.452.327	23.876.666
Công ty An Cường	Công ty con (từ tháng 12/2020)	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	157.131.151	-
			<b>1.682.809.466</b>	<b>380.876.666</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>				
Công ty An Tín	Công ty con	Người mua trả trước	-	500.000.000
			-	<b>500.000.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)</b>				
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Lãi vay	4.894.887.818	-
Công ty An Thành	Công ty con	Lãi vay	3.400.895.135	2.760.655.489
KB Securities Co., Ltd.	Cổ đồng	Cổ tức phải trả	1.277.284.932	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Lãi vay	-	4.528.452.055
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	Các bên liên quan khác	Lãi vay	41.582.192	241.972.602
			<b>9.614.650.077</b>	<b>7.531.080.146</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 13) (*)</b>				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay ngắn hạn	3.300.000.000	1.000.000.000
Công ty Navisoft	Công ty liên kết đến ngày 25 tháng 6 năm 2020	Vay ngắn hạn	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	2.000.000.000	-
			<b>5.300.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh số 13) (*)</b>				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay dài hạn	29.055.000.000	30.000.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Vay dài hạn	76.050.000.000	
			<b>105.105.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn các bên liên quan:

Bên liên quan	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất /năm	Hình thức đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Công ty An Thành	3.300.000.000	Tháng 2 năm 2021	6,5%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	2.000.000.000	Tháng 7 năm 2021	6,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.300.000.000</b>			
<b>Vay dài hạn</b>				
Công ty An Thành	29.055.000.000	Tháng 2 năm 2022	8,5%	Tin chấp
Công ty An Phát Complex 1	76.050.000.000	Tháng 2 năm 2022	8,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>105.105.000.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	-
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	-
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	-
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	902.746.812	1.368.507.360
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	740.742.793	1.153.333.715
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	678.175.366	323.097.227
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	90.000.000	-
Ông Bùi Minh Hải	Quyền Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	214.520.025
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	624.590.656
Ông Nguyễn Như Hùng	Quyền Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	253.343.693
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.831.664.971</b>	<b>3.937.392.676</b>

**22. CÁC CAM KẾT**

*Cam kết về thuê hoạt động*

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động gồm văn phòng và ô tô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.105.570.336	4.708.196.032
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.105.570.336</b>	<b>4.708.196.032</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Các cam kết khác***

Công ty cam kết liên đới bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho tất cả và bất kỳ nghĩa vụ nào của Công ty An Phát Complex phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hợp vốn, trong đó bên cho vay là Ngân hàng Industrial And Commercial Bank of China Limited – Chi nhánh Thành Phố Hà Nội và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty đã thế chấp 31.000.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ 13,98% vốn điều lệ hiện tại của Công ty Nhựa An Phát Xanh, công ty con, được nắm giữ bởi Công ty cho các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ		
Won Hàn Quốc (KRW)	-	239.000
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	209,71	-
Dirham (DIR)	1.680	1.690

**25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN**

Vào ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY như trình bày tại thuyết minh số 7, cho Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương (“Hoàng Phương”) với tổng giá trị chuyển nhượng là 15,6 tỷ VND. Việc chuyển nhượng này sẽ được hoàn tất khi Hoàng Phương thanh toán toàn bộ số tiền này cho Công ty.

Vào ngày 12 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 1201/2021/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập công ty con, Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát, với vốn điều lệ là 100 tỷ VND, trong đó Công ty dự kiến góp vốn 90 tỷ VND, chiếm 90% tổng vốn điều lệ của công ty con này. Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ, Hải Phòng. Hoạt động chính của công ty con này là vận hành dự án PBAT.

Vào ngày 9 tháng 2 năm 2021, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty với tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 55.744.983 cổ phiếu. Vào ngày 17 tháng 2 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty cũng đã thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, với tỷ lệ thực hiện là 100:40 (1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, 100 quyền được mua 40 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng quyền mua cổ phiếu là ngày 4 tháng 3 năm 2021. Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền là từ 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 12 tháng 4 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Lan  
Người lập



Hồ Thị Hòa  
Kế toán trưởng



Phạm Đức Hưng  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 16 tháng 3 năm 2021